

3/39

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Vật liệu điện (22808801)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-06

Số SV có mặt: ...

Số bài thi: ...

Số tờ giấy thi: ...

Handwritten notes:
Bui Trung Viet Tran D.T.N.
28

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2122050122	Nguyễn Chí An	15/11/2004	CCQ2205D		An	6.5	2.6	4.2	
2	2123050046	Nguyễn Văn Bắc	15/02/2005	CCQ2305A		Bac	7.3	8.4	8.0	
3	2123050061	Huỳnh Dương Bình	08/04/2004	CCQ2305B		Binh	8.3	4.7	6.1	
4	2123050060	Lê Văn Cang	19/08/2005	CCQ2305B		Cang	6.9	5.9	6.3	
5	2123050188	Châu Du Dân	18/05/2005	CCQ2305A			0.0			
6	2123050054	Nguyễn Lộc Ngọc Đăng	24/07/2005	CCQ2305B		Ng	5.6	5.9	5.8	
7	2123050084	Lê Văn Danh	10/11/1997	CCQ2305B		dat	7.3	6.4	6.8	
8	2123050072	Võ Quang Đạt	01/11/2005	CCQ2305B		Dat	8.3	6.0	6.9	
9	2123050036	Nguyễn Quốc Duy	11/02/2005	CCQ2305A		Duy	6.9	6.4	6.6	
10	2123050019	Ngụy Thành Giảng	01/05/2005	CCQ2305A		Ng	7.7	7.6	7.6	
11	2123050058	Bùi Minh Hải	07/10/2005	CCQ2305B		Hai	6.9	7.1	7.0	
12	2122050119	Trương Minh Hiền	16/11/2024	CCQ2205A		Hi	6.4	6.6	6.5	
13	2123110113	Triệu Trung Hiếu	04/05/2005	CCQ2305A		Hieu	7.6	7.5	7.5	
14	2123050008	Nguyễn Thái Hòa	02/06/2005	CCQ2305A		Hoi	8.3	9.1	8.8	
15	2123050082	Phan Hữu Hội	21/09/2005	CCQ2305B		Hoi	7.1	6.4	6.7	
16	2123050057	Trần Phúc Hưng	18/08/2005	CCQ2305B		Hung	8.3	8.5	8.4	
17	2123050011	Huỳnh Tường Huy	11/10/2005	CCQ2305A		Huy	7.3	5.5	6.2	
18	2123050004	Nguyễn Quốc Hoàng Huy	15/09/2005	CCQ2305A		Huy	8.3	5.4	6.6	
19	2123050074	Nguyễn Văn Kha	13/07/2004	CCQ2305B		Kha	8.3	4.9	6.3	
20	2123050178	Trần Duy Khang	20/08/2004	CCQ2305A			0.0			
21	2123050077	Đỗ Minh Khoa	15/01/2005	CCQ2305B		Khoa	6.2	4.8	5.4	
22	2123050083	Nguyễn Trần Đăng Khoa	30/08/2005	CCQ2305B		Ku	6.4	7.2	6.9	
23	2122050102	Nguyễn Tấn Khôi	01/02/2004	CCQ2205C		Khoi	7.3	5.2	6.0	
24	2123050015	Đỗ Tuấn Kiệt	20/04/2005	CCQ2305A		Kie	8.0	6.8	7.3	
25	2123050089	Huỳnh Văn Lãm	10/10/2005	CCQ2305B		Lam	7.3	5.2	6.0	
26	2123050073	Lâm Gia Long	20/04/2005	CCQ2305B		Long	7.9	5.9	6.7	
27	2123050052	Nguyễn Thành Luân	05/09/2005	CCQ2305B		Lu	6.9	3.9	5.1	
28	2123050078	Bùi Đình Luật	29/10/2002	CCQ2305B		Lu	6.9	7.0	7.0	
29	2123050020	Đạt Ngọc Lý	15/05/2005	CCQ2305A		Ly	8.0	6.8	7.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Vật liệu điện (22808801)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-06

Số SV có mặt: 28..

Số bài thi: 28..

Số tờ giấy thi: 28..

[Handwritten signatures and notes]
Bùi Huy Viên Trần B. Tâm

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
30	2123050007	Vũ Văn	Mạnh	25/09/2005	CCQ2305A		<i>Mauß</i>	7.9	4.0	5.6	
31	2123050069	Bùi Đại	Nghĩa	12/08/1998	CCQ2305B			0.0			

4/59

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Vật liệu điện (22808801)

Ngày thi: 28/01/2026

Giờ thi: 7g30

Phòng thi: D2-08

Số SV có mặt: ...30

Số bài thi:30

Số tờ giấy thi: ...30

Thái.T.Huyền
Trương Thanh Minh

STT	Mã SV	Họ và Tên	Nghề nghiệp	Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
1	2123050053	Đinh Quang	Nghề nghiệp	23/08/2005	CCQ2305B		<i>Nghiep</i>	6.1	5.6	5.8	
2	2123050070	Phạm Trọng	Nhân	15/07/2005	CCQ2305B		<i>Pham</i>	6.9	6.9	6.9	
3	2122140060	Mai Quốc	Nhật	02/02/2004	CCQ2205C		<i>Nhiet</i>	8.3	6.6	7.3	
4	2123050194	Hán Ngọc	Phiếu	17/03/2005	CCQ2305B		<i>Han</i>	7.3	7.1	7.2	
5	2123050051	Bùi Hải	Phong	10/02/2005	CCQ2305B		<i>Phuy</i>	7.8	6.0	6.7	
6	2123050063	Cao Xuân	Phong	24/10/2005	CCQ2305B		<i>Phay</i>	6.5	4.7	5.4	
7	2123050213	Trần Huy	Phú	02/02/2003	CCQ2305A			0.0			
8	2123050091	Trần Anh	Quân	26/12/2005	CCQ2305B		<i>Anh</i>	8.0	6.7	7.2	
9	2123050032	Phạm Minh	Quý	03/03/2004	CCQ2305A		<i>Pham</i>	8.3	8.0	8.1	
10	2123050067	Nguyễn Đoàn Trường	Sơn	28/10/2005	CCQ2305B		<i>Truong</i>	6.9	6.4	6.6	
11	2123050009	Nguyễn Thái	Sơn	02/06/2005	CCQ2305A		<i>Son</i>	8.3	7.5	7.8	
12	2123050045	Hồ Thanh	Tấn	10/08/2005	CCQ2305A		<i>Thanh</i>	7.7	6.1	6.7	
13	2122050107	Lê Thanh	Thái	24/07/2002	CCQ2205D		<i>Le</i>	7.3	6.1	6.6	
14	2123050233	Nguyễn Tấn	Thành	04/07/2005	CCQ2305A		<i>Tan</i>	7.5	5.2	6.1	
15	2123050075	Nguyễn Hoài	Thịnh	08/05/2005	CCQ2305B		<i>Hoi</i>	6.9	6.5	6.7	
16	2122050124	Võ Đức	Thịnh	12/12/2004	CCQ2205D		<i>Thuc</i>	7.9	5.2	6.3	
17	2123050068	Nguyễn Trung	Thoại	07/01/2005	CCQ2305B		<i>Thoi</i>	5.2	7.9	6.8	
18	2123050059	Cao Thiên	Thông	10/04/2005	CCQ2305B		<i>Thien</i>	8.6	7.5	7.9	
19	2122050147	Huỳnh Văn	Thuận	26/05/2003	CCQ2205C		<i>Thuan</i>	8.0	4.4	5.8	
20	2123050047	Nguyễn Toàn	Toàn	21/04/2005	CCQ2305A		<i>Toan</i>	8.3	8.3	8.3	
21	2123050056	Nguyễn Công	Trí	28/06/2005	CCQ2305B		<i>Con</i>	8.3	6.7	7.3	
22	2123050042	Nguyễn Văn	Trí	24/08/2005	CCQ2305A		<i>Tri</i>	7.7	5.1	6.1	
23	2122050126	Lê Thành	Trung	29/10/2004	CCQ2205D		<i>Le</i>	8.3	7.2	7.6	
24	2123050030	Trần Hưng	Trung	23/07/2005	CCQ2305A		<i>Hung</i>	8.3	8.5	8.4	
25	2123050029	Kiều Đan	Trường	18/06/2005	CCQ2305A		<i>Dan</i>	7.7	6.7	7.1	
26	2123050005	Nguyễn Huy	Tú	31/08/2005	CCQ2305A		<i>Huy</i>	8.0	8.5	8.3	
27	2123050066	Lê Anh	Tuấn	22/08/2005	CCQ2305B		<i>Anh</i>	7.9	6.7	7.2	
28	2123050081	Tô Quốc	Tuyền	13/09/2005	CCQ2305B		<i>Quoc</i>	7.7	6.0	6.7	
29	2123050071	Nguyễn Anh	Văn	29/04/2005	CCQ2305B		<i>Anh</i>	4.9	3.9	4.3	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
Học kỳ 1 (2025-2026)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học: Vật liệu điện (22808801)
Ngày thi: 28/01/2026
Giờ thi: 7g30
Phòng thi: D2-08

Số SV có mặt: 30
Số bài thi:30
Số tờ giấy thi: 30

lu
Thái.T. Huyền
Trần Thị Huyền
Lu

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số tờ Mã đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP	Ghi chú
30	2122050123	Nguyễn Văn	Vin	01/04/2003	CCQ2205D		<i>[Signature]</i>	8.3	8.1	8.2	
31	2123050027	Nguyễn Triệu	Vỹ	28/11/2005	CCQ2305A			0.0			
32	2123050049	Nguyễn Công	Ý	14/07/2005	CCQ2305B		<i>ý</i>	6.9	6.5	6.7	